

Số: 496 /QĐ-ĐHHD

Hải Dương, ngày 11 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận trúng tuyển hệ chính quy trình độ đại học,
ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng Đợt 2 năm 2023**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Căn cứ Thông tư 08/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Công văn số 2765/BGDĐT - GDĐH ngày 06 tháng 6 năm 2023, Công văn số 3374/BGDĐT-GDĐH ngày 07 tháng 7 năm 2023, Công văn 4066/BGDĐT-GDĐH ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023 cho Trường Đại học Hải Dương;

Căn cứ Quyết định 2082/QĐ-BGD &ĐT ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng năm 2023;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương; Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01/3/2013 về việc đổi tên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương thành Trường Đại học Hải Dương; Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hải Dương;

Căn cứ Đề án tuyển sinh năm 2023 của Trường Đại học Hải Dương;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng tuyển sinh ngày 09 tháng 9 năm 2023;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 706 thí sinh trúng tuyển hệ chính quy trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng Đợt 2 năm 2023, trong đó:



TT	Ngành trúng tuyển	Số lượng	Ghi chú
1	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	111	
2	Giáo dục mầm non (trình độ ĐH)	18	
3	Sư phạm Ngữ văn	51	
4	Sư phạm Tiếng Anh	66	
5	Sư phạm Toán học	65	
6	Sư phạm Khoa học tự nhiên	2	
7	Giáo dục Tiểu học	148	
8	Công nghệ thông tin	46	
9	Kế toán	55	
10	Kinh tế	5	
11	Kỹ thuật điện	37	
12	Ngôn ngữ Anh	17	
13	Quản trị kinh doanh	47	
14	Quản trị văn phòng	6	
15	Tài chính - Ngân hàng	13	
16	Marketing	11	
17	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	08	
	Tổng	706	

(có Danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng tuyển sinh và các đơn vị liên quan có trách nhiệm triệu tập thí sinh trúng tuyển theo quy định hiện hành.

Điều 3. Hội đồng tuyển sinh, các Ông (bà) Trưởng đơn vị có liên quan và những thí sinh có tên trong Danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT-HTQT.



TS. Tạ Thị Thúy Ngân

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG ĐỢT 2 NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 496/QĐ-ĐHHD, ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Hải Dương về việc công nhận trúng tuyển Đợt 2 đại học, ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng năm 2023)

STT	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã Hồ sơ	Tổ hợp XT	Điểm xét tuyển
1	030205008045	Bùi Trường Giang	19/03/2005	75103020	Công nghệ kỹ thuật điện tử - Viễn thông	200	D3-524	A00	23.28
2	068205011387	Lê Hồng Nam	15/06/2005	75103020	Công nghệ kỹ thuật điện tử - Viễn thông	200	D3-732	A00	23.4
3	030204001247	Nguyễn Đức Tuấn	22/11/2004	75103020	Công nghệ kỹ thuật điện tử - Viễn thông	200	D3-521	A00	23.04
4	030205012958	Nguyễn Phương Nam	15/09/2005	75103020	Công nghệ kỹ thuật điện tử - Viễn thông	200	D3-526	A00	24.12
5	030205004998	Nguyễn Tiên Hòa	11/07/2005	75103020	Công nghệ kỹ thuật điện tử - Viễn thông	200	D3-523	A00	24.78
6	030205003371	Nguyễn Vũ Hoàng Phong	21/07/2005	75103020	Công nghệ kỹ thuật điện tử - Viễn thông	200	D3-522	A00	25.94
7	030305005474	Phan Thị Thương	09/06/2005	75103020	Công nghệ kỹ thuật điện tử - Viễn thông	200	D3-527	D01	23.65
8	030205009221	Vũ Viết Duy	11/09/2005	75103020	Công nghệ kỹ thuật điện tử - Viễn thông	200	D3-525	A00	18.3
9	030205002965	Bùi Đình Phong	20/03/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-487	A00	22.4
10	030205002377	Bùi Đức Hoàn	16/09/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-484	A00	23.43
11	030205004561	Bùi Hữu Danh	04/09/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-493	A00	27.39
12	030204011127	Bùi Quang Thành	26/06/2004	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-478	A00	24.49
13	030205004491	Bùi Trần Duy Thái	27/07/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-492	D01	21.4
14	036205004551	Bùi Văn Duy	30/11/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-675	A00	22.8
15	030205016176	Đinh Hoàng Khánh	08/08/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-515	A00	20.6
16	030099005067	Đinh Văn Quốc	17/06/1999	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-475	D01	19.6
17	030205002495	Đoàn Xuân Hào	08/11/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-485	A01	24.88
18	030205006794	Hồ Quang Đạt	21/08/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-502	A00	26.04
19	030205003887	Hoàng Văn Phong	02/04/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-490	D01	16.5
20	030205000144	Lê Công Thảo	24/06/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-479	A00	24.88
21	030205001960	Lê Tiến Thành	25/02/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-482	A00	23.09
22	030305000937	Mạc Thùy Dương	01/06/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-516	A00	28.65
23	030205005396	Nghiêm Trọng Duy	13/08/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-499	A00	23.5
24	012305001672	Nguyễn Diệu Linh	14/09/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-473	A00	22.25
25	030205009756	Nguyễn Gia Phong	19/06/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-507	A00	22.1

STT	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã Hồ sơ	Tổ hợp XT	Điểm xét tuyển
26	030205005062	Nguyễn Hữu Hải	19/07/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-497	A00	23.91
27	Thiếu 03	Nguyễn Minh Đăng	18/05/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-740	A00	21.6
28	030205013539	Nguyễn Minh Quân	07/06/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-510	A00	22.9
29	030205006328	Nguyễn Ngọc Lâm	14/09/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-501	D01	21.1
30	030205014720	Nguyễn Phúc Thịnh	10/08/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-513	A00	22.6
31	030205004803	Nguyễn Quang Huy	13/01/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-496	A00	20.5
32	038205012009	Nguyễn Quốc Quý	15/09/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-689	A00	24.2
33	033205001252	Nguyễn Thái Đức	26/09/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-519	D01	19.1
34	030205011870	Nguyễn Tiến Anh	11/09/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-509	A01	24.31
35	033205009190	Nguyễn Tiến Dũng	13/10/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-520	A00	21.8
36	030205012965	Nguyễn Văn Đức	03/11/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-560	A00	26.04
37	030205009393	Nguyễn Văn Hải	25/01/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-506	A00	23.47
38	030205009075	Nguyễn Văn Huy	18/01/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-504	A00	24.49
39	030205009384	Nguyễn Văn Tuấn	27/07/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-505	A00	21
40	030205004113	Nguyễn Văn Vinh	09/12/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-742	A01	24.5
41	027205009727	Phạm Đình Chuyên	26/07/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-474	D01	21.8
42	030205013783	Phạm Khánh Hoàng	21/09/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-511	A00	20.7
43	030205006041	Phạm Thiên Sơn	12/07/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-500	A00	24.4
44	030205002652	Phạm Văn Bảo	26/05/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-486	A00	26.52
45	030203006063	Phạm Văn Đạt	25/12/2003	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-476	A00	24.1
46	030205005305	Trần Anh Minh Trí	11/01/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-498	A00	24.68
47	030205000393	Trần Việt Anh	04/11/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-480	A00	22.75
48	030305010072	Trịnh Phương Anh	29/10/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-518	A00	21.2
49	038205006882	Trương Đình Giang	04/09/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-688	A00	25.33
50	030205003203	Vũ Đăng Khiêm	14/08/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-488	A01	22.2
51	030205003245	Vũ Nhật Hoàn	11/10/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-489	A00	22.9
52	030205006833	Vũ Tiến Mạnh	12/08/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-503	D01	20.2
53	030204000571	Vũ Viết Quyết	24/12/2004	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-477	A00	23.93
54	030205004469	Vương Tuấn Điệp	25/07/2005	74802010	Công nghệ thông tin	200	D3-491	A00	23
55	031196006604	Bùi Minh Thuận	06/02/1996	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-655	M00	23.63
56	033302003825	Bùi Thị Bích Huyền	15/12/2002	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-659	M00	24.65
57	030305003206	Bùi Thị Hải Yến	28/11/2005	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-644	M00	22.53

STT	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã Hồ sơ	Tổ hợp XT	Điểm xét tuyển
58	030181001635	Bùi Thị Hoàn	08/01/1981	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	405	D3-756	M00	19.75
59	001199003356	Chu Thị Ly	29/09/1999	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-575	M00	22.63
60	030187020607	Chu Thị Vân	10/08/1987	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-605	M00	22.43
61	017300005903	Đặng Ngân Hà	20/10/2000	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-590	M00	22.38
62	030196008396	Đặng Thị Đào	12/08/1996	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	405	D3-758	M00	23.73
63	030192011864	Đặng Thị Hương	15/10/1992	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-607	M00	24.23
64	030305004255	Đặng Thị Lan Anh	01/08/2005	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	405	D3-761	M00	21.8
65	030305003321	Đào Hà Anh	11/11/2005	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-645	M00	23.12
66	079198008527	Đào Hoàng Phương Mai	31/12/1998	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-735	M00	22.98
67	019195012748	Đỗ Thị Dương	08/03/1995	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-591	M00	21.55
68	001300023846	Đỗ Thị Phượng	14/02/2000	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-576	M00	22.58
69	034188014436	Đỗ Thị Tùng Diệp	07/02/1988	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-660	M00	21.53
70	030303001419	Đoàn Thu Trang	25/11/2003	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-633	M00	22.05
71	030198010241	Đồng Thị Thúy	22/09/4998	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	405	D3-759	M00	18.33
72	038302007290	Dương Thị Hường	16/04/2002	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-690	M00	24.15
73	030195016560	Dương Thị Tú linh	20/08/1995	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-614	M00	23.9
74	011198004536	Giảng Thị Nhung	27/09/1998	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-584	M00	22.95
75	064305001704	Hồ Thị Hường	11/4/2005	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	405	D3-726	M00	19.03
76	0303022015577	Hoàng Ngọc Khánh	23/05/2002	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-631	M00	22.55
77	030197007889	Hoàng Thanh Mai	05/09/1997	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-616	M00	24.53
78	030301006770	Hoàng Thị Bích Thảo	26/04/2001	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	405	D3-760	M00	21.55
79	027186000298	Hoàng Thị Minh	22/11/1986	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-597	M00	21.7
80	030300012346	Hoàng Thị Nhung	18/02/2000	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-625	M00	25.25
81	008194001308	Hoàng Thị Trường	19/06/1994	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-583	M00	20.83
82	030199005852	Lê Thị Hà	04/09/1999	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-621	M00	23.55
83	030305005536	Lê Thị Khánh Ly	27/11/2005	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-648	M00	23.65
84	038305015597	Lê Thị Minh Hằng	09/07/2005	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	200	D3-741	M00	24.23
85	030305009944	Lê Thị Thu Hiền	18/11/2005	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-650	M00	23.12
86	038184014444	Lê Thùy Linh	06/01/1984	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-684	M00	21.85
87	024199001898	Lục Thị Trang	07/07/1999	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-594	M00	22.08
88	030301011137	Lương Thị Huế	27/05/2001	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-627	M00	23
89	030197011944	Lương Thị Thơm	22/01/1997	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-617	M00	24.48

STT	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã Hồ sơ	Tổ hợp XT	Điểm xét tuyển
90	034195005383	Lương Thị Thúy	01/03/1995	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-661	M00	21.8
91	027300001182	Ngô Thị Loan	03/12/2000	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-600	M00	23.68
92	030196014374	Ngô Thị Xuân	19/06/1996	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-615	M00	23.15
93	001192036771	Nguyễn Hương Giang	18/02/1992	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-572	M00	23.88
94	030303012041	Nguyễn Như Hiền Thảo	03/11/2003	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-637	M00	24
95	001304016849	Nguyễn Phương Ly	14/02/2004	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-578	M00	21.23
96	030303001094	Nguyễn Quỳnh Hương	17/12/2003	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-632	M00	21.43
97	027300007569	Nguyễn Thị Luyên	21/11/2000	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-601	M00	22.3
98	030303001598	Nguyễn Thị Ánh Phương	24/12/2003	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-634	M00	23.73
99	038198022583	Nguyễn Thị Anh Thư	11/08/1998	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-685	M00	22.83
100	031301004481	Nguyễn Thị Bình	01/11/2001	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-656	M00	23.85
101	030195001236	Nguyễn Thị Châm Anh	04/02/1995	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-613	M00	22.13
102	030300009761	Nguyễn Thị Dịu	06/06/2000	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-624	M00	25.2
103	030193014949	Nguyễn Thị Dung	27/08/1993	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-610	M00	22.68
104	030192003546	Nguyễn Thị Giang	18/07/1992	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	405	D3-757	M00	22.85
105	027194008144	Nguyễn Thị Hà	27/08/1994	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-598	M00	21.93
106	034194018544	Nguyễn Thị Hằng	27/12/1994	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	405	D3-775	M00	20.78
107	015186000443	Nguyễn Thị Hoài Nam	30/11/1986	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-587	M00	23.3
108	038181001105	Nguyễn Thị Hồng Vân	15/03/1981	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-682	M00	21.9
109	030187023677	Nguyễn Thị Huế	12/05/1987	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-606	M00	21.65
110	022187000299	Nguyễn Thị Hương	18/09/1987	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-592	M00	20.58
111	01300017730	Nguyễn Thị LAn Anh	04/03/2000	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-585	M00	24.55
112	015187000188	Nguyễn Thị Mai	08/02/1987	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-588	M00	21.4
113	001305025755	Nguyễn Thị Mai Anh	21/07/2005	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-579	M00	23.3
114	031190008520	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	02/03/1990	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-653	M00	21.9
115	0011930385574	Nguyễn Thị Ngà	02/06/1993	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-573	M00	23.1
116	030305008020	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	02/05/2005	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-649	M00	23.47
117	030302002081	Nguyễn Thị Nhung	18/01/2002	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-629	M00	24.08
118	030193019004	Nguyễn Thị Phương	03/03/1993	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	405	D3-611	M00	20.45
119	030185006036	Nguyễn Thị Thanh Nhân	24/01/1985	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	405	D3-777	M00	21
120	030198012737	Nguyễn Thị Thêu	06/11/1998	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-619	M00	23.43
121	001187003874	Nguyễn Thị Thu Hiền	14/09/1987	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-571	M00	22.08

STT	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã Hồ sơ	Tổ hợp XT	Điểm xét tuyển
122	030186015365	Nguyễn Thị Thu Hiền	21/12/1986	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-604	M00	22.15
123	030198005496	Nguyễn Thị Thu Hoài	18/11/1998	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-618	M00	22.9
124	027199001147	Nguyễn Thị Thúy	30/06/1999	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-599	M00	23.9
125	030302004867	Nguyễn Thị Trang	01/12/2002	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-630	M00	23.25
126	033198003614	Nguyễn Thị Tuyền	24/04/1998	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-658	M00	24.63
127	03030004371	Nguyễn Thị Vân Anh	12/09/2000	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-626	M00	21.88
128	015302005737	Nguyễn Thu Phương	20/12/2002	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-589	M00	22.33
129	030193020537	Phạm Hải Yến	15/11/1993	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-612	M00	23.13
130	030303007208	Phạm Mai Hương	30/05/2023	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-636	M00	22.65
131	034300011120	Phạm Thị Trang	08/07/2000	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-662	M00	25.25
132	0303000009334	Phạm Thị Hương Loan	03/12/2000	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-622	M00	22.43
133	0301199011387	Phạm Thị Mai	06/09/1999	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-603	M00	23.48
134	030193002351	Phạm Thị Minh Nguyệt	23/06/1993	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	405	D3-776	M00	20.18
135	030305013427	Phạm Thị Nhung	02/10/2005	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-652	M00	25.08
136	064305007087	Phan Phương Anh	06/02/2005	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-727	M00	20.75
137	035091004341	Phan Tiến Giang	12/06/1991	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-667	M00	21.25
138	067195000024	Phùng Thị Xuyên	04/07/1995	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-731	M00	21.5
139	001301020208	Quách Thị Ngọc Ánh	21/09/2001	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-577	M00	23
140	014303004170	Quảng Thị Toàn	22/11/2003	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-586	M00	24.87
141	030199001276	Tạ Mai Linh	25/05/1999	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-620	M00	24.2
142	030305005105	Tạ Thị Thu Thủy	28/01/2005	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	405	D3-646	M00	22.95
143	030305005105	Tạ Thị Thu Thủy	28/01/2005	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	405	D3-647	M00	22.95
144	025303011215	Trần Phương Linh	15/07/2003	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-596	M00	21.1
145	033192008339	Trần Thị Huệ	20/11/1992	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-657	M00	23.33
146	030304004596	Trần Thị Mai	19/06/2004	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-640	M00	23.83
147	030193006169	Trần Thị Mĩ Anh	16/04/1993	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-608	M00	22.48
148	025302005949	Trần Thị Thanh Hiền	10/08/2002	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-595	M00	22.18
149	031195012622	Trần Thị Thảo	12/12/1995	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-654	M00	22.15
150	064304000098	Trần Thị Thu Trang	22/03/2004	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-722	M00	17.3
151	0301199003544	Trần Thị Thùy Linh	25/02/1999	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-602	M00	23
152	001305028631	Trần Thị Thùy Ngân	21/11/2005	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-581	M00	24.35
153	001305027253	Trịnh Thị Ngọc Anh	16/01/2005	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-580	M00	24.48

STT	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã Hồ sơ	Tổ hợp XT	Điểm xét tuyển
154	035304002711	Trịnh Thị Nhung	04/01/2004	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-668	M00	22.33
155	030305012469	Trịnh Thị Phương Anh	23/04/2005	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-651	M00	23.31
156	030304003203	Trịnh Thị Thu Thảo	24/01/2004	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-638	M00	17.2
157	030304004276	Trương Thị Hà Vi	28/08/2004	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-639	M00	23.07
158	001198024155	Trương Thị Thanh	17/11/1998	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-574	M00	24.08
159	030303002819	Trương Thị Trang	30/10/2003	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-635	M00	23.78
160	038182007156	Vũ Thị Lợi	20/02/1982	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-683	M00	22.78
161	001305045035	Vũ Thị Lan Anh	05/11/2005	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-582	M00	23.45
162	030193008505	Vũ Thị Liên	15/10/1993	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-609	M00	23.38
163	034302011344	Vũ Thị Ly	03/09/2022	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-663	M00	23.1
164	030302000188	Vũ Thị Phương Anh	18/01/2002	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-628	M00	24.4
165	02419400280	Vy Thị Hải Yến	02/02/1994	511402010	Giáo dục mầm non (trình độ CĐ)	406	D3-593	M00	23.45
166	030305004684	Đoàn Thị Thanh Vân	01/08/2005	71402010	Giáo dục mầm non (trình độ ĐH)	405	D3-008	M03	22.75
167	030305001202	Lê Thị Khoa	24/12/2005	71402010	Giáo dục mầm non (trình độ ĐH)	406	D3-004	M03	24.96
168	038305005219	Lê Thị Phương Thảo	27/04/2005	71402010	Giáo dục mầm non (trình độ ĐH)	405	D3-696	M03	26.27
169	038305006802	Nguyễn Phương Nhi	24/12/2005	71402010	Giáo dục mầm non (trình độ ĐH)	405	D3-698	M03	25.57
170	001303040998	Nguyễn Phương Thảo	24/01/2003	71402010	Giáo dục mầm non (trình độ ĐH)	406	D3-001	M03	26.05
171	030305001196	Nguyễn Thị Hạnh Nguyên	02/04/2005	71402010	Giáo dục mầm non (trình độ ĐH)	405	D3-003	M03	25.05
172	030305006134	Nguyễn Thị Ngọc Bình	25/07/2005	71402010	Giáo dục mầm non (trình độ ĐH)	405	D3-762	M03	25.17
173	030305003787	Nguyễn Thị Trang	28/11/2005	71402010	Giáo dục mầm non (trình độ ĐH)	405	D3-007	M03	26.27
174	022305007414	Nguyễn Thị Vân Hà	22/04/2005	71402010	Giáo dục mầm non (trình độ ĐH)	405		M03	25.25
175	030305003476	Phạm Đoàn Mai Anh	20/07/2005	71402010	Giáo dục mầm non (trình độ ĐH)	405	D3-005	M03	24.63
176	030305003476	Phạm Đoàn Mai Anh	20/07/2005	71402010	Giáo dục mầm non (trình độ ĐH)	405	D3-006	M03	24.63
177	064305000052	Phạm Thị Ái	02/06/2005	71402010	Giáo dục mầm non (trình độ ĐH)	406	D3-724	M03	25.66
178	030305013429	Phạm Thị Phương Anh	03/07/2005	71402010	Giáo dục mầm non (trình độ ĐH)	406	D3-011	M00	26.22
179	030305009679	Phạm Thị Thanh Xuân	24/08/2005	71402010	Giáo dục mầm non (trình độ ĐH)	405	D3-764	M01	25.61
180	030305005105	Tạ Thị Thu Thủy	28/01/2005	71402010	Giáo dục mầm non (trình độ ĐH)	405	D3-009	M03	24.63
181	030304005841	Trương Thị Thùy Linh	09/10/2004	71402010	Giáo dục mầm non (trình độ ĐH)	405	D3-002	M03	22.5
182	030305008533	Vũ Thị Hương Giang	05/09/2005	71402010	Giáo dục mầm non (trình độ ĐH)	405	D3-763	M03	25.1
183	030305005136	Vương Thị Hải Anh	13/07/2005	71402010	Giáo dục mầm non (trình độ ĐH)	406	D3-010	M03	26.04
184	030305011721	Bùi Thị Lê Thanh	31/10/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-100	D01	24.4
185	030304002130	Bùi Thị Ngọc Thu	09/12/2004	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-066	D01	25.71

STT	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã Hồ sơ	Tổ hợp XT	Điểm xét tuyển
186	017305007716	Bùi Thị Thanh Hương	22/04/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-744	C00	22
187	030305008121	Cao Thu Trang	05/09/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-093	C00	27.2
188	024305006048	Đàm Thị Huyền Trang	30/10/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-053	D01	23.57
189	030305008774	Đàm Thu Huyền	06/09/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-095	C00	27.29
190	025305007086	Đặng Khánh Huyền	10/08/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-057	C00	21.25
191	017305000796	Đặng Kim Cúc	22/04/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-042	C00	19.75
192	038305025992	Đặng Lê Thùy Dung	23/11/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-709	C00	25.71
193	033305003459	Đặng Minh Ánh	14/03/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-119	A00	25.89
194	033305004729	Đặng Minh Anh	14/03/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-123	A00	25.71
195	024305011606	Đặng Thị Khánh Linh	08/08/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-055	D01	22.35
196	030305002824	Đặng Thị Thanh Nga	06/04/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-077	C00	20.25
197	0013005001178	Đặng Thủy Tiên	28/01/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-012	C00	26.9
198	027305008631	Đào Huyền Trang	03/06/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-061	A00	24.59
199	027305000778	Đào Nguyễn Hoàng Anh	06/05/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-059	C00	28.4
200	017205005588	Đào Thế Lực	06/08/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-041	C00	21
201	024305003304	Đào Trà My	17/05/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-052	A00	24.59
202	014205003947	Điêu Minh Quang	04/09/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-040	C00	23.25
203	017305007951	Đinh Phạm Hải Yến	30/07/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-043	D01	24.51
204	037305004732	Đinh Thị Hồng Nhung	27/10/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-680	C00	20.75
205	001305050870	Đinh Thị Quỳnh Anh	14/07/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-031	A01	28.84
206	030305003418	Đinh Thùy Ngọc Thương	12/07/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-079	A00	25.17
207	030305013783	Đỗ Huyền Trang	05/03/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-106	C00	23.7
208	030305011469	Đoàn Thị Lâm Oanh	08/07/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-099	C00	25.75
209	038305016388	Đoàn Thu Phương	18/12/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-704	A00	24.77
210	030304006581	Đồng Hương Giang	28/08/2004	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-068	A00	26.92
211	001305015919	Đồng Tuệ Minh	07/07/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-754	D01	19.1
212	033305004817	Dư Thị Khánh Linh	09/12/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-124	A01	24.87
213	030305004112	Dương Thị Linh Chi	19/07/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-082	A00	25.26
214	037305000846	Dương Thùy Trang	01/11/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-679	C00	20.5
215	033305004658	Dương Tú Linh	14/09/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-122	D01	26.64
216	068305003153	Gín Hiền Duyên	24/09/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-773	D01	20.95
217	030305005997	Hà Thị Hồng Ngọc	14/01/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-088	C00	26.17

STT	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã Hồ sơ	Tổ hợp XT	Điểm xét tuyển
218	064304008055	Hà Thị Thu Hằng	29/10/2004	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-723	A00	24
219	030305003670	Hà Thu Phương	29/09/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-081	A00	26.64
220	022305005150	Hoàng Bích Diệp	29/07/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-048	A00	24
221	001305034728	Hoàng Thị Thu Hương	17/10/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-026	D01	24.88
222	033305002271	Hoàng Yến Ngọc	20/11/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-118	C00	25.9
223	001304023179	Kiều Thu Trang	13/09/2004	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-013	A00	26.23
224	024305000779	La Thảo Nguyên	18/06/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-050	C00	24.96
225	022305001540	Lại Tố Quyên	07/11/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-046	C00	24.49
226	079305028554	Lê Đào Quỳnh Hương	10/7/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-736	C00	22.5
227	042305002553	Lê Thị Cẩm Tú	28/01/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-716	C00	23.48
228	033304005513	Lê Thị Hoài Lan	19/02/2004	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-115	A01	26.92
229	038305018918	Lê Thị Hồng Minh	08/03/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-705	C00	24.4
230	042305013499	Lê Thị Khánh Linh	19/04/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-717	C00	25.05
231	008305002106	Lê Thị Mai Hương	16/03/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-037	C00	26.04
232	038304019070	Lê Thị Ngọc Mai	04/01/2004	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-693	A01	25.24
233	035305002350	Lê Thị Phương Nhân	12/12/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-670	D01	24.77
234	030205000524	Lê Thị Thu Thương	21/12/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-063	A01	26.83
235	038305004501	Lê Thị Thu Trang	26/03/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-695	C00	21.75
236	030305004462	Lê Thu Huyền	20/02/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-084	C00	24.87
237	038305003890	Lục Trường An	18/08/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-694	C00	19.75
238	020305000864	Lương Ngọc Trâm	04/02/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-045	D01	20.85
239	038305019319	Lường Thị Phương Anh	01/01/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-706	A00	24.77
240	001305036757	Lương Thùy Linh	01/01/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-027	C00	26.23
241	033305007097	Lưu Hương Giang	17/08/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-127	A01	25.33
242	035305010180	Lưu Khánh Huyền	04/10/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-673	C00	22.5
243	030304014809	Mạc Phương Lam	20/12/2004	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-073	A01	26.42
244	001305027359	Nghiêm Thị Hà	03/06/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-023	C00	28.55
245	001305034445	Ngô Phương Minh	30/11/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-025	C00	28.1
246	001304042389	Ngô Thị Mỹ Lệ	19/02/2004	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-015	C00	25.94
247	030305006250	Nguyễn Hà Anh	03/11/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-768	A00	28.9
248	030305006324	Nguyễn Hạnh Nhi	08/07/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-090	A00	25.43
249	030305004653	Nguyễn Hương Giang	01/07/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-085	A01	25.24

STT	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã Hồ sơ	Tổ hợp XT	Điểm xét tuyển
250	001305001265	Nguyễn Khánh Linh	30/03/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-016	C00	24.1
251	031305014393	Nguyễn Kim Ngân	08/01/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-112	C00	26.33
252	031305005714	Nguyễn Lan Hương	24/11/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-110	A00	25.3
253	022305008923	Nguyễn Minh Tâm	23/01/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-049	C00	25.65
254	031305011011	Nguyễn Minh Thảo	08/09/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-111	C00	21
255	030304007382	Nguyễn Minh Thư	15/11/2004	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-069	A01	25.71
256	001305039237	Nguyễn Ngọc Hà	03/07/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-028	A00	24.06
257	001305054336	Nguyễn Ngọc Trang Linh	17/4/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-033	D01	27
258	030305000884	Nguyễn Như Ngọc	19/06/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-075	C00	19
259	033305005744	Nguyễn Thanh Hải	12/09/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-125	A01	24.12
260	030303000471	Nguyễn Thị Ánh Dương	26/11/2003	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-065	C00	24.5
261	038305012294	Nguyễn Thị Hà Phương	04/08/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-702	C00	19.25
262	024305008601	Nguyễn Thị Hồng	12/09/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-054	C00	20.75
263	030305013225	Nguyễn Thị Hồng	27/10/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-104	D01	22.15
264	001305970073	Nguyễn Thị Hồng	21/06/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-036	A00	26.04
265	033305004294	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	02/10/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-121	D01	25.24
266	027304009507	Nguyễn Thị Hồng Phượng	23/06/2004	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-058	A00	25.8
267	038305014710	Nguyễn Thị Khánh Huyền	07/02/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-703	C00	25.71
268	001305010315	Nguyễn Thị Kiều Oanh	23/10/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-019	A00	25.9
269	040305007363	Nguyễn Thị Kim Chi	29/10/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-765	C00	23
270	030305012018	Nguyễn Thị Kim Ngân	30/03/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-101	A01	26.17
271	027305011165	Nguyễn Thị Kim Oanh	11/03/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-062	A00	26.36
272	030305000740	Nguyễn Thị Lan Hương	01/12/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-074	A01	27.01
273	038305006076	Nguyễn Thị Lan Ngân	31/12/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-755	C00	26.92
274	030305008022	Nguyễn Thị Mai Hoa	07/04/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-092	C00	25.55
275	027305007131	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	31/10/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-060	A00	25.1
276	001305052366	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	05/03/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-032	D01	21.65
277	025304012884	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	02/10/2004	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-056	A01	25.17
278	030305013151	Nguyễn Thị Phương	10/03/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-103	D01	20.9
279	030304011031	Nguyễn Thị Phương Anh	22/07/2004	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-072	C00	24.96
280	030305005075	Nguyễn Thị Phương Lam	01/05/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-086	A00	25.24
281	001305018453	Nguyễn Thị Thanh Vân	02/12/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-022	C00	28.4

STT	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã Hồ sơ	Tổ hợp XT	Điểm xét tuyển
282	030305012636	Nguyễn Thị Thảo	20/07/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-102	C00	23
283	038305023959	Nguyễn Thị Thảo	20/07/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-708	C00	24.4
284	001305042136	Nguyễn Thị Thu Hương	25/11/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-029	A00	25.07
285	030304007740	Nguyễn Thị Thu Thủy	04/07/2004	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-070	A00	27.01
286	030305009725	Nguyễn Thị Thu Trang	09/01/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-097	C00	25.33
287	062305000112	Nguyễn Thị Thu Uyên	11/05/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-718	C00	23
288	062305000776	Nguyễn Thị Trà My	26/10/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-719	D01	22.5
289	030305007091	Nguyễn Thùy Linh	03/05/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-091	C00	26.23
290	030305006098	Nguyễn Thùy Linh	06/10/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-089	A00	26.7
291	033305007359	Nguyễn Thùy Linh	14/02/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-129	C00	26.42
292	001305011059	Nguyễn Thùy Trang	21/10/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-020	C00	19.5
293	035305002004	Nguyễn Vũ Hoài Thương	04/08/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-669	D01	27.01
294	001305014571	Nguyễn Yến Ngọc	12/11/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-021	C00	25.5
295	034305000455	Phạm Diệu Linh	14/9/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-665	A00	24.01
296	062305000838	Phạm Hà Phương Anh	11/11/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-720	C00	24.3
297	030305003083	Phạm Khánh Linh	25/05/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-078	D01	24.45
298	017305009602	Phạm Lê Danh Trà	12/03/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-044	D01	24.5
299	024305000809	Phạm Mai An	19/01/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-051	D01	24.96
300	030305007845	Phạm Nữ Tố Uyên	11/03/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-779	A00	27.11
301	001305001509	Phạm Phương Anh	14/05/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-017	C00	25
302	064305000052	Phạm Thị Ái	02/06/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-725	C00	24.12
303	033305004094	Phạm Thị Anh Thư	29/12/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-120	A00	26.45
304	001305034361	Phạm Thị Kim Ngân	29/03/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-024	A01	26.33
305	142931067	Phạm Thị Lâm	21/03/1999	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-737	A00	25.5
306	030304002829	Phạm Thị Thu Giang	02/01/2004	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-067	A01	27.11
307	030305001113	Phạm Thị Trang	07/06/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-746	C00	19.25
308	001305442501	Phạm Trần Ngọc Khanh	03/12/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-035	C00	21.25
309	001305042205	Phan Thu Liên	31/01/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-030	C00	27.2
310	001305055412	Tạ Thị Thanh Thúy	03/04/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-034	C00	23.72
311	040305003500	Thái Huyền Trang	01/01/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-711	C00	25.95
312	030305014673	Tô Thị Phương Nhi	10/10/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-109	C00	24.4
313	014205002970	Tòng Văn Cường	13/09/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-039	C00	24.15

STT	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã Hồ sơ	Tổ hợp XT	Điểm xét tuyển
314	001305002315	Trần Anh Thư	08/05/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-018	C00	27
315	030305013586	Trần Hải Yến	05/12/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-105	C00	27.1
316	030305009030	Trần Mỹ Nhung	21/01/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-096	D01	25.52
317	036305015383	Trần Thị Mai	11/10/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-676	C00	24.77
318	030305005152	Trần Thị Quỳnh Anh	15/08/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-087	A00	27.2
319	030305002226	Trần Thị Thanh Hồng	25/09/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-076	C00	26.62
320	033305007240	Trần Thị Thanh Thủy	15/6/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-128	C00	20
321	030305001406	Trần Thu Hà	11/03/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-767	C00	19.5
322	001304025364	Trịnh Thảo Linh	25/07/2004	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-014	A00	26.71
323	033305008088	Trịnh Thị Yến Nhi	15/04/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-130	A00	23.23
324	030305008207	Trương Nhật Hương	30/10/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-094	A00	24.49
325	033305000206	Vũ Hà Anh	22/04/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-117	C00	26.23
326	030305005383	Vũ Ngọc Mai	11/02/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-774	C00	19.25
327	033305006331	Vũ Ngọc Quỳnh	30/06/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-126	D01	25.24
328	HS288	Vũ Thị Thu Hằng	20/12/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-738	A01	24.96
329	033304003831	Vũ Thị Thùy Vân	06/09/2004	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-114	A01	26.36
330	010305003872	Vũ Thu Hà	22/10/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	100	D3-038	C00	24.15
331	040305015700	Vy Thị Hoàng Xuân	12/06/2005	71402020	Giáo dục Tiểu học	200	D3-714	D01	25.41
332	030202010657	Bùi Việt Chiến	22/8/2002	73403010	Kế toán	200	D3-413	A00	23.5
333	030305011502	Đào Bích Ngọc	28/11/2005	73403010	Kế toán	200	D3-450	D01	23.04
334	030305013026	Đỗ Hương Giang	02/12/2005	73403010	Kế toán	200	D3-455	A00	23.93
335	030305005718	Đỗ Minh Phụng	30/12/2005	73403010	Kế toán	200	D3-441	A00	24.96
336	030305009090	Đỗ Văn Anh	08/07/2005	73403010	Kế toán	200	D3-446	A00	23.47
337	030205015790	Đoàn Đức Thịnh	08/09/2005	73403010	Kế toán	200	D3-428	A00	24.59
338	030305014693	Đoàn Thị Tuyết Mai	26/06/2005	73403010	Kế toán	200	D3-462	A00	26.36
339	030205003611	Hà Quốc Tuấn	21/05/2005	73403010	Kế toán	200	D3-422	A00	23.65
340	030204006838	Hà Văn Cường	10/04/2004	73403010	Kế toán	200	D3-414	A00	23.56
341	030205004727	Hoàng Ngọc Bá	17/07/2005	73403010	Kế toán	200	D3-423	A00	24.31
342	031305015910	Khổng Thị Thanh Thảo	24/09/2005	73403010	Kế toán	200	D3-465	A00	25.46
343	030305010305	Lê Thị Nga	01/03/2005	73403010	Kế toán	200	D3-448	A00	25.15
344	002205001909	Lê Văn Đức	09/05/2005	73403010	Kế toán	200	D3-408	A01	25.69
345	030305009591	Lưu Minh Thúy	26/11/2005	73403010	Kế toán	200	D3-447	A00	25.07

STT	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã Hồ sơ	Tổ hợp XT	Điểm xét tuyển
346	030205016692	Lưu Quốc Huy	12/11/2005	73403010	Kế toán	200	D3-429	A00	26.04
347	040305000391	Lưu Thị Thúy An	06/12/2005	73403010	Kế toán	200	D3-710	A00	25.8
348	030305007278	Mạc Thị Thái Ngọc	02/09/2005	73403010	Kế toán	200	D3-443	A00	21.9
349	0302050023377	Nguyễn Hải Đăng	21/03/2005	73403010	Kế toán	200	D3-418	A00	23.65
350	030304002695	Nguyễn Lan Anh	16/11/2004	73403010	Kế toán	200	D3-430	D01	25.24
351	030305013175	Nguyễn Lê Hà Vy	06/06/2005	73403010	Kế toán	200	D3-456	A01	26.23
352	019305005850	Nguyễn Mai Chi	21/01/2005	73403010	Kế toán	200	D3-410	A00	24.97
353	(thiếu)	Nguyễn Mỹ Quyên	06/09/2005	73403010	Kế toán	200	D3-406	A01	28.13
354	030305011863	Nguyễn Ngọc Linh	16/10/2005	73403010	Kế toán	200	D3-451	A00	24
355	030305014862	Nguyễn Ngọc Phương Anh	23/05/2005	73403010	Kế toán	200	D3-463	A00	23.91
356	030305001102	Nguyễn Phương Thảo	05/02/2005	73403010	Kế toán	200	D3-433	A00	25.24
357	011205000591	Nguyễn Quang Thịnh	13/09/2005	73403010	Kế toán	200	D3-409	D01	18.95
358	030305003969	Nguyễn Thị Bích Ngọc	30/08/2005	73403010	Kế toán	200	D3-439	A00	23.56
359	030305012944	Nguyễn Thị Huệ	18/11/2005	73403010	Kế toán	200	D3-454	D01	23.47
360	030305002713	Nguyễn Thị Ngọc Linh	07/10/2005	73403010	Kế toán	200	D3-435	A00	23.47
361	030305005083	Nguyễn Thị Như Quỳnh	25/09/2005	73403010	Kế toán	200	D3-440	D01	23.47
362	030305000062	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	01/02/2005	73403010	Kế toán	200	D3-432	D01	24.88
363	030305003631	Nguyễn Thị Thanh Thúy	28/11/2005	73403010	Kế toán	200	D3-437	A00	27.29
364	030304004395	Nguyễn Thị Thu Hương	12/01/2004	73403010	Kế toán	200	D3-431	A00	24.31
365	030304004395	Nguyễn Thị Thu Hương	12/01/2004	73403010	Kế toán	200	D3-467	A00	24.31
366	030305003867	Nguyễn Thị Thu Uyên	18/04/2005	73403010	Kế toán	200	D3-438	A00	22.5
367	033305005877	Nguyễn Thị Trang	15/08/2005	73403010	Kế toán	200	D3-466	A01	24.12
368	030305001853	Nguyễn Thu Phương	31/01/2005	73403010	Kế toán	200	D3-434	A00	24.68
369	030305010806	Nguyễn Thu Phương	24/06/2005	73403010	Kế toán	200	D3-449	A00	23.33
370	030205002983	Nguyễn Văn Lê Duẩn	08/06/2005	73403010	Kế toán	200	D3-420	A00	25.2
371	030305014675	Phạm Ngọc Linh	23/07/2005	73403010	Kế toán	200	D3-461	A01	23.33
372	030305003540	Phạm Quỳnh Anh	19/08/2005	73403010	Kế toán	200	D3-436	D01	25.52
373	030305008170	Phạm Thị Hoa	04/07/2005	73403010	Kế toán	200	D3-445	D01	22.4
374	030305012683	Phạm Trần Khánh Linh	17/10/2005	73403010	Kế toán	200	D3-453	D01	24.12
375	030305015670	Tạ Ngọc Quỳnh Anh	22/07/2005	73403010	Kế toán	200	D3-464	A00	25.46
376	030205006895	Trần Đình Tiến Đạt	22/08/2005	73403010	Kế toán	200	D3-425	A00	26.4
377	030305005899	Trần Thị Kim Thoa	25/11/2005	73403010	Kế toán	200	D3-442	A00	25.15

STT	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã Hồ sơ	Tổ hợp XT	Điểm xét tuyển
378	030305014179	Trần Thị Thanh Hoa	14/12/2005	73403010	Kế toán	200	D3-459	A00	26.08
379	030305012281	Vũ Lan Chi	06/07/2005	73403010	Kế toán	200	D3-452	A00	25.26
380	001304022334	Vũ Linh Quỳnh Anh	19/11/2004	73403010	Kế toán	200	D3-407	D01	19.95
381	022305010187	Vũ Mai Hương	02/05/2005	73403010	Kế toán	200	D3-411	D01	25.46
382	HS288	Vũ Thế Nam	17/12/2004	73403010	Kế toán	200	D3-739	A01	24.96
383	030305013978	Vũ Thị Quỳnh Trang	27/10/2005	73403010	Kế toán	200	D3-458	A00	23.19
384	030305007286	Vũ Thị Thu Thủy	16/09/2005	73403010	Kế toán	200	D3-444	A00	24.87
385	030205003043	Vũ Xuân Tiến	20/02/2005	73403010	Kế toán	200	D3-421	A00	26.08
386	030305014241	Vương Thị Diệu Linh	07/06/2005	73403010	Kế toán	200	D3-460	A00	22.8
387	033205011176	Đặng Xuân Bắc	21/10/2005	73101010	Kinh tế	200	D3-330	A00	21.9
388	030305013086	Nguyễn Ngọc Ánh	27/11/2005	73101010	Kinh tế	200	D3-328	D01	24.51
389	0305001418	Nguyễn Thu Phương	16/09/2005	73101010	Kinh tế	200	D3-329	A00	25.99
390	001205047569	Nguyễn Văn Trần Hải Anh	05/09/2005	73101010	Kinh tế	100	D3-325	D01	17.2
391	030205005785	Phạm Xuân Hiếu	08/07/2005	73101010	Kinh tế	200	D3-326	A00	24.03
392	030305001318	Bùi Thị Quỳnh	31/08/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-569	A01	21.6
393	030204003318	Cao Thọ Việt Anh	30/08/2004	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-535	A00	24.4
394	030205011435	Cao Văn Minh	08/04/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-558	A00	24.68
395	030205010537	Cao Văn Tài	07/10/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-555	A00	22.7
396	030205003808	Đặng Duy Đức	21/11/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-545	A00	21.9
397	030205002774	Đặng Thành Giang	04/08/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-543	A00	21.8
398	030201005542	Đoàn Văn Thành	10/10/2001	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-533	A00	19.3
399	030205008097	Hà Minh Quân	11/09/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-551	A00	20.15
400	030204008032	Hoàng Văn Sơn	15/12/2004	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-537	A00	23.43
401	0302050080053	Lê Bá Hải	11/01/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-550	A00	23.37
402	030205013175	Lê Đức Ánh	06/08/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-561	A00	23.91
403	030205012302	Lê Quang Lâm	20/10/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-559	A00	26.4
404	030205015770	Lê Văn Anh	13/12/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-568	A01	20.5
405	030205009802	Ngô Thành Nam	22/01/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-554	A00	26.36
406	030305006364	Nguyễn Bình Bình	21/11/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-570	A00	25.46
407	030205002470	Nguyễn Chí Thanh	05/02/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-542	A00	25.46
408	030205014555	Nguyễn Đức Lộc	03/02/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-567	A01	23
409	030205005494	Nguyễn Gia Huy	11/09/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-547	A00	24.7

STT	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã Hồ sơ	Tổ hợp XT	Điểm xét tuyển
410	030205014256	Nguyễn Hữu Tùng	27/08/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-564	A00	24.12
411	030205006164	Nguyễn Minh Quang	07/12/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-549	A00	23.37
412	001205022139	Nguyễn Quang Long	08/06/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-528	A00	24.97
413	030205005563	Nguyễn Sỹ Huỳnh	09/01/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-548	A00	22.6
414	022205003758	Nguyễn Thành Trung	12/10/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-530	A01	18.15
415	030205014421	Nguyễn Thế Đại	06/11/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-566	A00	24.68
416	030204004433	Nguyễn Thiên Khúc	04/12/2004	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-536	A00	21.6
417	030205010752	Nguyễn Văn Tiến	09/05/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-557	A00	22.3
418	030205001847	Nguyễn Văn Tuấn	29/11/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-541	A00	24.15
419	030205014041	Nguyễn Xuân Tuyền	10/07/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-562	A00	22.4
420	030205004620	Phạm Hoàng Anh	16/07/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-546	A00	24
421	030203006584	Phạm Quang Long	29/08/2003	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-534	A00	25.4
422	030205001718	Phạm Quang Quân	08/08/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-540	A00	23.28
423	030205009060	Phạm Trung Hải	23/11/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-553	A00	23.37
424	030205002805	Trần Duy Đông	07/08/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-544	A00	24.1
425	022205000709	Trần Hoàng Đại	27/09/2005	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-529	A00	26.92
426	030204012519	Vũ Văn Chiến	26/08/2004	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-539	A01	20.1
427	030204010349	Vũ Văn Đạt	26/08/2004	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-538	A01	20.5
428	030201002516	Vũ Văn Hùng	01/08/2001	75202010	Kỹ thuật điện	200	D3-532	A01	26.2
429	030205001102	Đặng Đức Thắng	13/01/2005	73401150	Marketing	200	D3-384	A00	24.78
430	030205004391	Đỗ Thành Nam	17/10/2005	73401150	Marketing	200	D3-386	A00	24.49
431	037201006132	Đoàn Nguyễn Đức Lương	10/10/2001	73401150	Marketing	200	D3-677	A00	24.9
432	030205012684	Ngô Mạnh Hùng	02/02/2005	73401150	Marketing	200	D3-389	A00	26.13
433	030205002663	Nguyễn Đức Huy	27/08/2005	73401150	Marketing	200	D3-385	A01	22.1
434	030205012715	Nguyễn Quang An	29/08/2005	73401150	Marketing	200	D3-390	A00	22.25
435	030205014117	Phạm Thành Đạt	22/05/2005	73401150	Marketing	200	D3-392	A01	27.2
436	030205010408	Trần Công Minh	13/09/2005	73401150	Marketing	200	D3-388	A00	25.55
437	030205004457	Trịnh Đức Anh	02/07/2005	73401150	Marketing	200	D3-387	A00	22.45
438	03030500508	Vũ Khánh Ly	26/12/2005	73401150	Marketing	200	D3-393	A00	25.7
439	030205013925	Vũ Việt Anh	16/11/2005	73401150	Marketing	200	D3-391	A01	22.9
440	033304006698	Cao Thị Ngọc Diệp	04/06/2004	72202010	Ngôn ngữ Anh	200	D3-324	D09	24.39
441	030205008999	Đàm Văn Long Nhật	09/07/2005	72202010	Ngôn ngữ Anh	200	D3-312	A01	27.29

STT	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã Hồ sơ	Tổ hợp XT	Điểm xét tuyển
442	030305005961	Lương Diệu Linh	08/11/2005	72202010	Ngôn ngữ Anh	200	D3-320	D09	26.13
443	030205001634	Nguyễn Đức Chính	11/08/2005	72202010	Ngôn ngữ Anh	200	D3-310	D09	23.33
444	030205011587	Nguyễn Đức Dũng	17/12/2005	72202010	Ngôn ngữ Anh	200	D3-313	D09	24.59
445	030205016666	Nguyễn Gia Khánh	31/10/2005	72202010	Ngôn ngữ Anh	100	D3-753	D01	22.15
446	030205005537	Nguyễn Quốc Tuấn	27/10/2005	72202010	Ngôn ngữ Anh	200	D3-311	D10	22.5
447	030205012815	Nguyễn Thành Đạt	15/10/2005	72202010	Ngôn ngữ Anh	200	D3-314	D09	26.71
448	030099002088	Nguyễn Thanh Tùng	03/03/1999	72202010	Ngôn ngữ Anh	200	D3-306	A01	24
449	030305009700	Nguyễn Thị Hà Trang	25/03/2005	72202010	Ngôn ngữ Anh	200	D3-322	D10	25.43
450	030183008304	Nguyễn Thị Phương	02/09/1983	72202010	Ngôn ngữ Anh	200	D3-307	D10	25.8
451	030300006970	Nguyễn Thị Thu Trang	21/01/2000	72202010	Ngôn ngữ Anh	200	D3-315	D01	22.75
452	030202005028	Nguyễn Trọng Cường	23/10/2002	72202010	Ngôn ngữ Anh	200	D3-309	D10	24.68
453	030202003753	Nguyễn Vũ Tuấn Anh	08/08/2002	72202010	Ngôn ngữ Anh	200	D3-308	D09	24.1
454	030305003785	Phạm Mai Hoa	12/08/2005	72202010	Ngôn ngữ Anh	200	D3-319	D10	24.21
455	031305009100	Phạm Ngọc Minh Châu	06/11/2005	72202010	Ngôn ngữ Anh	200	D3-323	D09	24.3
456	030305007406	Vũ Thị Thanh	23/07/2005	72202010	Ngôn ngữ Anh	200	D3-321	D10	25.43
457	030205004584	Bùi Văn Khanh	14/07/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-347	A00	26.81
458	030205014710	Đỗ Đăng Quang	03/03/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-365	A00	26.9
459	030205006215	Đỗ Mạnh Dũng	29/07/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-348	D01	22.8
460	030305003619	Đỗ Thị Liên	20/01/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-373	A00	24.1
461	030205009449	Đỗ Tuấn Đạt	25/12/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-351	A00	25.26
462	030305005966	Đoàn Thị Minh Anh	19/09/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-376	A00	26.04
463	030205001412	Dương Anh Tú	20/01/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-339	A00	23.56
464	030205003201	Lê Đình Vũ	17/08/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-343	D01	22.2
465	030205003825	Lê Thế Hiếu	25/01/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-345	A00	26.13
466	030205002816	Nghiêm Công Vinh	18/05/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-341	A01	22.94
467	030205015868	Nguyễn Anh Khải	21/01/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-367	D01	23.72
468	001205035625	Nguyễn Đức Hòa	20/01/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-331	A00	25.46
469	030205010810	Nguyễn Đức Minh	21/05/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-354	A00	22.3
470	030205009116	Nguyễn Đức Tâm	29/03/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-350	D01	24.8
471	030205002696	Nguyễn Hữu Nam	19/12/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-340	A00	24.3
472	030305003627	Nguyễn Khánh Huyền	25/11/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-374	A00	25.94
473	037305006186	Nguyễn Ngọc Anh	16/08/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-681	A00	25.36

STT	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã Hồ sơ	Tổ hợp XT	Điểm xét tuyển
474	030305015532	Nguyễn Phương Linh	14/07/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-382	A01	24.3
475	030205014156	Nguyễn Tấn Dũng	10/12/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-362	A00	24.12
476	030205003370	Nguyễn Thành An	01/09/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-344	A00	25.17
477	030204003463	Nguyễn Thành Luân	11/08/2004	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-335	D01	24.87
478	030305001987	Nguyễn Thị Cẩm Ly	28/06/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-370	A00	24.03
479	030305000808	Nguyễn Thị Trang	29/01/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-369	A00	25.15
480	030205010848	Nguyễn Tuấn Kiệt	30/12/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-355	A00	23.6
481	030205004167	Nguyễn Văn Chung	06/06/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-346	A00	24.21
482	030205010720	Nguyễn Xuân Hanh	18/05/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-353	A00	23.14
483	030205012572	Nguyễn Xuân Thái	23/10/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-359	A00	25.3
484	030305002047	Ninh Thị Lan Anh	20/01/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-371	A00	24.31
485	030205010527	Phạm An Trí Công	14/06/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-352	A00	25.17
486	030205006327	Phạm Đình Hiếu	15/03/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-349	A00	26.13
487	030205003185	Phạm Đình Thành	16/10/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-342	D01	25.24
488	030205014808	Phạm Đức Doanh	15/12/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-366	A00	23.23
489	030305012205	Phạm Phương Anh	19/3/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-383	A01	28.04
490	030205014187	Phạm Tiến Quang	19/01/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-363	A00	22.15
491	030205012013	Phạm Văn Giang	23/01/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-358	A01	20.9
492	020202007018	Phan Đình Hải Dương	01/10/2002	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-332	A00	21.9
493	024205015140	Phuong Tuấn Hùng	22/12/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-333	A00	21.7
494	030205011375	Tạ Quốc Toán	10/01/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-357	A00	25.61
495	064205005510	Tạ Văn Thiện	21/01/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-721	A00	25.5
496	030305002625	Trần Thảo Ngân	20/09/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-372	A00	26.04
497	030305011127	Trần Thị Phương Anh	08/03/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	100	D3-377	A00	25.17
498	030305011298	Trần Thị Thu Hà	16/07/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-378	D01	20.9
499	030204005943	Trương Đình Kiên	19/11/2004	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-336	A00	23.47
500	030205010858	Vũ Bá Hậu	03/10/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-356	A00	20.9
501	030305005395	Vũ Thị Hà Ly	18/11/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-375	D01	26.62
502	030099002475	Vũ Văn Toàn	09/09/1999	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-334	A00	20.1
503	030205014046	Vương Văn Tiến	12/12/2005	73401010	Quản trị kinh doanh	200	D3-361	A00	26.13
504	036094003899	Bùi Hoàng Minh	13/11/1994	73404060	Quản trị văn phòng	200	D3-674	C00	15.8
505	030305007669	Lê Thị Phương Ly	01/12/2005	73404060	Quản trị văn phòng	200	D3-472	C00	21.7

STT	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã Hồ sơ	Tổ hợp XT	Điểm xét tuyển
506	027205012347	Nguyễn An Bình	30/01/2005	73404060	Quản trị văn phòng	200	D3-468	C00	23.43
507	030205000134	Nguyễn Phúc Nhật Bình	08/07/2005	73404060	Quản trị văn phòng	200	D3-469	C00	26.04
508	030205000285	Nguyễn Văn Quang Anh	11/08/2005	73404060	Quản trị văn phòng	200	D3-470	A00	22.05
509	030304004516	Phạm Thu Trang	12/04/2004	73404060	Quản trị văn phòng	200	D3-471	D01	24.68
510	031305007191	Nguyễn Thị Mai Linh	01/9/2005	71402470	Sư phạm Khoa học tự nhiên	200	D3-305	A02	26.23
511	030305012826	Trần Thị Nhung	21/11/2005	71402470	Sư phạm Khoa học tự nhiên	200	D3-304	B00	28.6
512	001305025349	Bùi Lệ Thu	01/05/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-189	D14	26.04
513	030305005894	Bùi Thị Kim Ngân	26/10/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	100	D3-215	C00	19
514	030305007681	Bùi Thị Ngọc Giang	13/12/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-217	C03	26.64
515	014205004387	Bùi Văn Lâm	20/05/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	100	D3-195	C00	19.5
516	030305009480	Bùi Vũ Minh Ngọc	07/08/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-220	C00	27.1
517	030305000421	Đào Thị Ngọc Bích	17/9/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	100	D3-203	C03	20.3
518	001305039953	Đoàn Thị Hương	04/11/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-190	C00	25.46
519	022305005463	Hoàng Hà Trang	24/03/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-197	C00	26.04
520	033305000169	Hoàng Phương Anh	02/03/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-227	D14	25.65
521	040305011701	Hoàng Thị Khánh Linh	22/9/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-712	D01	27.01
522	034305011185	Lê Hải An	14/06/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-666	C03	26.17
523	038304003407	Lê Hương Giang	14/10/2004	71402170	Sư phạm Ngữ văn	100	D3-692	C00	19.25
524	030305000997	Lê Minh Ngọc	10/06/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-204	C00	26.13
525	011305000062	Lê Thảo Phương	17/05/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-192	C03	24.51
526	030305007182	Lê Thị Khánh Xuân	07/01/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-216	D14	26.23
527	030304007327	Lê Thị Ngọc Hà	19/04/2004	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-202	D01	25.33
528	035305006183	Lương Mai Thu	10/06/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-672	C00	25.15
529	030305005637	Lương Thị Ngọc Linh	03/10/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-214	C00	27.76
530	022205004102	Ngô Anh Đức	16/09/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	100	D3-196	C00	21.75
531	030305011699	Nguyễn Hà Vy	09/06/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-222	C00	27.1
532	038305007571	Nguyễn Lê Quỳnh	15/09/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	100	D3-699	C00	23.7
533	033304003805	Nguyễn Mai An	22/09/2004	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-226	D14	26.81
534	030305001641	Nguyễn Minh Phương	29/03/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-206	C00	26.13
535	031305011011	Nguyễn Minh Thảo	08/09/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	100	D3-225	C00	21
536	030305009740	Nguyễn Ngọc Mai	20/09/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-221	C00	26.55
537	030305002459	Nguyễn Ngọc Trinh	27/09/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	100	D3-207	C00	24.87

STT	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã Hồ sơ	Tổ hợp XT	Điểm xét tuyển
538	066305012520	Nguyễn Thị Ánh Hồng	02/05/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-729	C03	26.04
539	030305003763	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	07/05/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	100	D3-209	D01	23.79
540	030305007989	Nguyễn Thị Ngọc Anh	21/01/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-218	C00	26.52
541	011305000690	Nguyễn Thị Phương Thùy	01/01/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	100	D3-193	C00	20.25
542	030305001425	Nguyễn Thị Thảo Vi	10/04/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	100	D3-205	C00	21.5
543	030305003787	Nguyễn Thị Trang	28/11/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	100	D3-210	C00	19.25
544	038305006326	Phạm Khánh Huyền	12/10/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	100	D3-697	C00	21.75
545	026305010688	Phạm Thị Thu Hằng	04/07/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-199	C03	25.24
546	030305004125	Phạm Thị Thu Hiền	03/03/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	100	D3-211	C03	19.6
547	030305005392	Phạm Thị Thu Ngân	17/08/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-213	C00	25.65
548	030305003549	Phạm Thị Thương	12/05/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-208	C00	25.33
549	001304035612	Phạm Thu Uyên	08/08/2004	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-188	C00	24.9
550	010305005294	Phạm Thùy Dung	27/10/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-191	C03	24.33
551	011305003675	Quảng Thị Xuân	13/02/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	100	D3-770	C00	22.25
552	012305000102	Sùng Thị Thúy	14/02/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	100	D3-194	C00	21.25
553	033305002399	Trần Thị Mỹ Duyên	12/09/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-228	D14	26.08
554	030305004905	Trần Thị Thu Thảo	15/10/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-212	C00	27.3
555	030305011929	Trịnh Bảo Ngọc	15/08/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-223	D01	25.15
556	033305011765	Trịnh Kiều Trang	19/01/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-229	C00	27.87
557	030304002814	Vũ Thanh Mai	14/04/2004	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-201	C00	24.77
558	031305005466	Vũ Thị Hồng Nhung	28/05/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-224	C00	25.65
559	022305009307	Vũ Thị Phương Anh	22/10/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	200	D3-198	D14	24.59
560	030305008860	Vũ Thị Thu Hương	08/07/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	100	D3-219	C00	21.5
561	030305008860	Vũ Thị Thu Hương	08/07/2005	71402170	Sư phạm Ngữ văn	100	D3-749	C00	21.5
562	033304004855	Vũ Thùy Phương	21/11/2004	71402170	Sư phạm Ngữ văn	100	D3-766	C00	21
563	001305001253	Ấu Khánh Huyền	19/01/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-245	D15	24.2
564	001305025442	Bùi Ngọc Anh	01/01/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-249	D14	25.05
565	030305008291	Bùi Trà Giang	09/03/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-283	D15	26.1
566	030205013897	Đàm Đức Kiên	22/11/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-259	D15	26.91
567	030305004634	Đặng Thùy Dương	07/07/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-277	D15	26.42
568	030305012213	Đào Huyền Anh	03/09/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	100	D3-751	D14	26.13
569	030305000500	Đào Khánh Linh	10/07/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	100	D3-264	D01	23.33

STT	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã Hồ sơ	Tổ hợp XT	Điểm xét tuyển
570	030303002406	Đào Thị Tùng Dương	01/02/2003	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-261	D01	25.1
571	030305004110	Đinh Hải Linh	04/09/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-275	D14	26.91
572	030305001039	Đỗ Hiền Linh	30/05/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-266	D01	23.56
573	030305009920	Đỗ Thị Ngọc Linh	04/10/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-287	D01	26.36
574	001305017950	Đỗ Thu Trang	21/05/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	100	D3-248	D14	20.35
575	068305004347	Đoàn Thị Phương Thùy	13/02/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-733	D14	24.8
576	030205010197	Đoàn Văn Hùng	23/05/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-258	D14	25.55
577	030305014907	Dư Thanh Trà	10/10/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-300	D14	26.7
578	030305003067	Dương Thị Ngân	26/10/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	100	D3-269	D14	22.94
579	075305016070	Dương Thị Trúc Quỳnh	11/03/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-734	D15	25.07
580	012305001233	Hoàng Hải Minh	02/06/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-255	D15	25.32
581	(Thiếu)	Hứa Vũ Trà My	09/11/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-243	D01	27.95
582	026205002274	Lê Nguyễn Hưng Thịnh	20/06/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	100	D3-745	D14	23.75
583	030305003314	Lê Thị Bích Ngọc	26/06/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-271	D14	26.4
584	030305005182	Lê Thị Liên	02/01/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-279	D15	27.01
585	030305002536	Lê Thị Thu Huyền	18/9/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	100	D3-778	D01	25.71
586	012305006328	Ngô Phương Thảo	13/04/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-256	D15	24.33
587	001305046599	Ngô Thảo Linh	05/01/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-251	D15	26.62
588	030205005535	Nguyễn Đình Kiên	15/03/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-257	D15	24.96
589	001305002129	Nguyễn Hà Linh	26/02/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-246	D15	25.17
590	030305011521	Nguyễn Hương Giang	01/02/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-292	D15	25.71
591	002205005176	Nguyễn Huy Hoàng	19/07/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	100	D3-252	D15	23.9
592	014305010505	Nguyễn Huyền Trang	17/08/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	100	D3-771	D01	20.25
593	001305010184	Nguyễn Khánh Phương Anh	05/02/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-247	D14	23.81
594	030305009402	Nguyễn Lương Trang Nhung	01/11/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	100	D3-772	D01	20.45
595	001305000952	Nguyễn Ngọc Diễm	21/01/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-244	D15	27.29
596	030305011990	Nguyễn Thanh Hằng	30/8/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-295	D01	24.96
597	066305014714	Nguyễn Thị Hiền Thục	16/02/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-730	D14	27.03
598	001305045866	Nguyễn Thị Hồng Ngân	01/12/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-250	D15	27
599	030305003763	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	07/05/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	100	D3-274	D01	23.79
600	030305011718	Nguyễn Thị Lan Phương	23/10/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-294	D01	25.99
601	030305004479	Nguyễn Thị Ngọc Hương	29/12/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-276	D15	26.52

STT	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã Hồ sơ	Tổ hợp XT	Điểm xét tuyển
602	030305002580	Nguyễn Thị Thanh Mai	21/05/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	100	D3-268	D01	20.55
603	030305012067	Nguyễn Thu Hồng	07/12/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-296	D15	26.83
604	030305003087	Nguyễn Trần Khánh Chi	19/02/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	100	D3-270	D01	25
605	030305010297	Nguyễn Trần Văn Anh	14/06/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-289	D01	24.87
606	014205013708	Nguyễn Tùng Lâm	26/10/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	100	D3-743	D14	23.2
607	030305008421	Nhữ Thị Huệ	18/01/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	100	D3-284	D14	20
608	030205014013	Phạm Phú Bảo Minh	14/08/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	100	D3-260	D14	25.24
609	030305003702	Phạm Thị Thanh Hằng	28/08/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	100	D3-273	D01	23.47
610	030305008814	Phạm Văn Hà	09/08/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-285	D15	26.04
611	040305018625	Phan Cẩm Xuyên	27/08/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	100	D3-715	D01	23.61
612	030505004043	Phan Nguyễn Hà Vy	01/08/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	100	D3-302	D01	22.2
613	030305010511	Trần Quỳnh Anh	27/10/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-290	D01	26.17
614	030305001453	Trần Thị Giang	16/10/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	100	D3-267	D01	20.6
615	011305001151	Trần Thị Ngân	28/01/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-254	D01	25.95
616	024305009473	Trịnh Thị Hiền	18/10/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	100	D3-769	D15	22.15
617	030305013210	Vũ Hương Giang	01/08/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-298	D15	25.84
618	030305114006	Vũ Huyền Trang	22/02/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-301	D14	26.71
619	030305011605	Vũ Khánh Huyền	16/12/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-293	D14	26.73
620	030305007189	Vũ Nguyệt Anh	24/10/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-282	D01	27.57
621	030305000612	Vũ Quỳnh Anh	15/10/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-265	D14	27.2
622	030305011134	Vũ Thị Huyền	12/96/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-291	D14	24.68
623	030305010087	Vũ Thị Khánh Hương	19/10/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-288	D15	27.57
624	030305005241	Vũ Thị Minh Ánh	20/07/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-280	D15	27.48
625	030305012649	Vũ Thị Ngọc Hà	30/08/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-297	D15	26.27
626	030305007164	Vũ Thị Như Quỳnh	23/09/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-281	D01	28.13
627	030305014538	Vũ Thu Ngân	24/03/2005	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-299	D15	26.71
628	030303011045	Vũ Trúc Linh	14/06/2003	71402310	Sư phạm Tiếng Anh	200	D3-262	D14	24.9
629	030205013407	Bùi Minh Quang	02/05/2005	71402090	Sư phạm Toán học	100	D3-150	D01	24.68
630	030305005142	Bùi Thị Bích Ngọc	25/11/2005	71402090	Sư phạm Toán học	100	D3-167	A00	22
631	001305007133	Cao Nhật Ánh	02/08/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-134	A02	24.59
632	033305011025	Đào Đoan Trang	18/05/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-187	A00	27.57
633	030305004287	Đào Khánh Ninh	01/10/2005	71402090	Sư phạm Toán học	100	D3-164	A00	22.5

STT	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã Hồ sơ	Tổ hợp XT	Điểm xét tuyển
634	030305007928	Đào Thanh Thảo	13/05/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-175	A00	26.36
635	034304005681	Đinh Thị Phương Loan	20/04/2004	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-664	A00	27.11
636	033305001881	Đỗ Thị Bích Ngọc	15/07/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-186	A00	26.83
637	030305009477	Dương Thị Kim Oanh	18/07/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-180	A00	26.8
638	030205000963	Hà Trọng Nghĩa	17/10/2005	71402090	Sư phạm Toán học	100	D3-145	A00	26.92
639	030305000425	Hoàng Minh Hằng	07/01/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-154	A00	27.01
640	030305008102	Hoàng Thị Hải Anh	29/10/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-176	A00	25.8
641	030305010935	Lương Thị Mai Chi	13/01/2005	71402090	Sư phạm Toán học	100	D3-181	D01	19.7
642	030204013100	Mạc Đình Duy	19/09/2004	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-144	A00	28.36
643	001205003008	Nguyễn Hữu Huy	20/07/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-131	A00	27.78
644	026305005754	Nguyễn Huyền Trang	28/09/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-140	A00	26.64
645	030305004963	Nguyễn Lan Anh	26/10/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-166	A00	26.45
646	001304029086	Nguyễn Linh Chi	31/01/2004	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-133	D01	25.36
647	010305001717	Nguyễn Mai Khuê	22/01/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-135	A00	27.78
648	027305003372	Nguyễn Minh Phương	27/08/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-142	A02	27.1
649	030304007382	Nguyễn Minh Thư	15/11/2004	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-153	A02	25.89
650	014305001424	Nguyễn Ngọc Hân	29/09/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-137	A00	25.23
651	027200007673	Nguyễn Ngọc Toàn	05/02/2000	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-141	A00	27.5
652	030205010041	Nguyễn Phúc Trường An	01/09/2005	71402090	Sư phạm Toán học	100	D3-148	A02	20.9
653	030305009033	Nguyễn Phương Anh	10/10/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-177	A00	26.27
654	037205005736	Nguyễn Quốc Việt	06/01/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-678	A00	25.15
655	033205007044	Nguyễn Quyết	23/03/2005	71402090	Sư phạm Toán học	100	D3-747	A02	19.55
656	030305004962	Nguyễn Quỳnh Anh	26/10/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-165	A00	25.24
657	001205024129	Nguyễn Sỹ Thành	16/2/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-132	A01	26.62
658	030204002162	Nguyễn Thành Lộc	01/08/2004	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-143	A01	26.27
659	030305005616	Nguyễn Thị Huyền	15/04/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-170	A00	27.48
660	030305005605	Nguyễn Thị Huyền Phương	20/08/2005	71402090	Sư phạm Toán học	100	D3-169	A02	21.15
661	030305000887	Nguyễn Thị Mai Phương	20/07/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-155	A00	27.67
662	040305015043	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	12/02/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-713	A01	27.39
663	030305005758	Nguyễn Thị Phương Hạnh	38688	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-172	A00	26.73
664	030305003604	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	24/04/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-161	A00	25.65
665	030305002151	Nguyễn Thị Thùy Dương	11/10/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-157	A00	27.87

STT	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã Hồ sơ	Tổ hợp XT	Điểm xét tuyển
666	024305002220	Nguyễn Thị Thùy Tiên	16/3/2005	71402090	Sư phạm Toán học	100	D3-138	A02	24.15
667	038303008961	Nguyễn Thị Vân Anh	29/06/2003	71402090	Sư phạm Toán học	100	D3-691	A00	21.4
668	030305005423	Nguyễn Thu Thảo	20/10/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-168	A00	27.76
669	030305003572	Nguyễn Thùy Dương	01/10/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-080	D01	26.17
670	030305006098	Nguyễn Thùy Linh	06/10/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-173	A00	26.7
671	030205001117	Nguyễn Trung Hậu	15/03/2005	71402090	Sư phạm Toán học	100	D3-146	D01	19.6
672	03030510195	Nguyễn Tú An	05/06/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-185	A00	27.2
673	038205004446	Nguyễn Văn Trung	13/10/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-686	A00	26.8
674	030205012857	Nguyễn Văn Tuấn	14/03/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-149	A00	26.27
675	024305008682	Nguyễn Việt Hà	08/03/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-139	A00	26.73
676	030305002611	Nguyễn Vũ Mỹ Dung	09/08/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-158	A00	27.39
677	030205005976	Phạm Bảo Ngọc	13/01/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-147	A02	26.92
678	030305014182	Phạm Ngọc Thảo	11/09/2005	71402090	Sư phạm Toán học	100	D3-184	A02	20.95
679	030305003615	Phạm Thị Thúy	26/09/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-162	A00	27.2
680	030305004276	Phạm Thùy Linh	07/02/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-163	A02	25.8
681	030305005721	Phan Thị Hương Giang	15/10/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-171	A00	26.76
682	030305003063	Trần Khánh Linh	22/11/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-159	A02	24.68
683	030305009385	Trần Thị Quỳnh Anh	04/03/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-179	D01	23.52
684	030305003503	Trần Thị Thu Thảo	24/01/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-160	A01	28.07
685	038305022030	Trịnh Thu Trang	25/11/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-707	A02	24.2
686	010305004671	Vũ Hồng Ngọc	03/05/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-136	A00	25.5
687	030305002023	Vũ Minh Phương	08/04/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-156	A02	29.13
688	030305013345	Vũ Thị Lý	04/2/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-183	A01	23.81
689	030305007612	Vũ Thị Minh Hằng	11/06/2005	71402090	Sư phạm Toán học	100	D3-174	D01	20.3
690	030304004768	Vũ Thị Quỳnh Hương	15/08/2004	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-152	A01	27.39
691	030305005504	Vũ Tuyết Ly	26/07/2005	71402090	Sư phạm Toán học	100	D3-748	A00	22.3
692	030305009311	Vương Mỹ Duyên	30/08/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-178	A00	28.13
693	030205019590	Vương Việt Anh	17/07/2005	71402090	Sư phạm Toán học	200	D3-151	A00	26.42
694	030205010546	Cao Thành An	26/11/2005	73402010	Tài chính - Ngân hàng	200	D3-401	A00	24.31
695	030305011502	Đào Bích Ngọc	28/11/2005	73402010	Tài chính - Ngân hàng	200	D3-405	D01	23.04
696	030205002164	Hoàng Minh Quang	08/10/2005	73402010	Tài chính - Ngân hàng	200	D3-399	A00	27.85
697	022305010334	Lâm Hương Duyên	25/04/2005	73402010	Tài chính - Ngân hàng	200	D3-394	D01	20.35

STT	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã Hồ sơ	Tổ hợp XT	Điểm xét tuyển
698	030205009602	Nguyễn Đức Cường	09/05/2005	73402010	Tài chính - Ngân hàng	200	D3-400	A00	23.09
699	030205000229	Nguyễn Đức Hải Nam	29/08/2005	73402010	Tài chính - Ngân hàng	200	D3-398	A01	24.5
700	030205015281	Nguyễn Đức Hùng	28/06/2005	73402010	Tài chính - Ngân hàng	100	D3-752	A00	24.97
701	030204001865	Nguyễn Đức Vượt	21/04/2004	73402010	Tài chính - Ngân hàng	200	D3-396	A01	23.93
702	030205000016	Nguyễn Lê Bảo Minh	27/01/2005	73402010	Tài chính - Ngân hàng	200	D3-397	A01	25.75
703	030205013296	Nguyễn Quang Trung	25/09/2005	73402010	Tài chính - Ngân hàng	200	D3-402	A00	28.41
704	030305000198	Nguyễn Thị Thu Mai	22/07/2005	73402010	Tài chính - Ngân hàng	200	D3-404	A01	27.2
705	026305000112	Trần Đình Khánh Linh	23/01/2005	73402010	Tài chính - Ngân hàng	200	D3-395	D01	25.55
706	030205019959	Trương Văn Duy Anh	30/08/2005	73402010	Tài chính - Ngân hàng	200	D3-403	A00	21.4

Danh sách này có 706 thí sinh./.

BAN THƯ KÝ

Trưởng ban

Đàm Văn Bắc

Thư ký 1

Vũ Thị Ngọc Uyên

Thư ký 2

Nguyễn Thị Hòa

Cán bộ CNTT

Lương Thế Dũng

BỘ PHẬN GIÁM SÁT

Tây Xuân Kỳ

Thư ký 4

Lê Thị Sinh

Thư ký 5

Nguyễn Thị Kim Thoa

Thư ký 6

Nguyễn Xuân Trường

Hải Dương, ngày 11 tháng 09 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Văn Quyền